

Số: 315/TB-ĐHTM

Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2018

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2, THÁNG 9 NĂM 2018

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ; Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ; Trường Đại học Thương mại thông báo tuyển sinh sau đại học đợt 2, tháng 9 năm 2018 như sau:

1. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

1.1. Chuyên ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến

TT	Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu dự kiến
1	Kinh doanh thương mại	8340121	30
2	Kế toán	8340301	70
3	Quản lý kinh tế	8340410	80
4	Quản trị kinh doanh	8340101	64
5	Tài chính - Ngân hàng	8340201	60
6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8810103	30
7	Quản trị nhân lực	8340404	30

1.2. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: chính quy
- Thời gian đào tạo: 2,0 năm

1.3. Hình thức tuyển sinh

XÉT TUYỂN: đối với thí sinh là người nước ngoài (có quy định riêng);

THI TUYỂN: đối với thí sinh là người Việt Nam.

Các môn thi:

- **Môn cơ bản:** Toán cao cấp

- **Môn cơ sở ngành:**

+ Marketing căn bản: đối với chuyên ngành Kinh doanh thương mại

+ Nguyên lý kế toán: đối với chuyên ngành Kế toán

+ Kinh tế thương mại đại cương: đối với chuyên ngành Quản lý kinh tế

+ Quản trị học: đối với chuyên ngành Quản trị kinh doanh

+ Nhập môn Tài chính - Tiền tệ: đối với chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng

+ Quản trị dịch vụ: đối với chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

+ Quản trị nhân lực căn bản: đối với chuyên ngành Quản trị nhân lực

- **Môn ngoại ngữ:** Tiếng Anh (Theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Thí sinh có năng lực Tiếng Anh thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo bằng tiếng Anh toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam, giảng dạy bằng tiếng Anh;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh;

d) Có chứng chỉ trình độ tiếng Anh (được quy định tại Phụ lục 1 của Thông báo này) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày thi tuyển sinh, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục

và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

1.4. Đối tượng và điều kiện dự thi

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:

1.4.1. Điều kiện văn bằng

Thí sinh đăng kí dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ phải có văn bằng sau đây:

TT	Chuyên ngành	Văn bằng đại học
1	Kinh doanh thương mại	
	- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Marketing thương mại, Thương mại quốc tế của Trường Đại học Thương mại; - Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành kinh doanh của các trường đại học khác; - Các chuyên ngành thuộc ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Thương mại.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý), chuyên ngành Kinh tế, Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành kỹ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.
2	Kế toán	
	- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Kế toán - Tài chính doanh nghiệp thương mại của Trường Đại học Thương mại; - Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành kinh tế, quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác thuộc khối ngành kinh doanh và quản lý, kỹ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.
3	Quản lý kinh tế	
	- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Kinh tế thương mại của Trường Đại học Thương mại; - Chuyên ngành Kinh tế, Quản lý kinh tế của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý) của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành kỹ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.

4 Quản trị kinh doanh	
- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Các chuyên ngành thuộc ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Thương mại; - Chuyên ngành Quản trị kinh doanh của các trường đại học khác.
- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý), Kinh tế và Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành kỹ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.
5 Tài chính - Ngân hàng	
- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng thương mại của Trường Đại học Thương mại; - Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm của các trường đại học khác.
- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý), Kinh tế và Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành kỹ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.
6 Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn của Trường Đại học Thương mại; - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn của các trường đại học khác. - Các chuyên ngành thuộc ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Thương mại.
- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý), Kinh tế và Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành kỹ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.
7 Quản trị nhân lực	
- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Thương mại; - Chuyên ngành Quản trị nhân lực của các trường đại học khác; - Các chuyên ngành thuộc ngành Quản trị kinh doanh của

		Trường Đại học Thương mại.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý), Kinh tế và Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành kỹ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.

Danh mục các nhóm ngành, khối ngành nêu ở bảng trên thực hiện theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ GD&ĐT.

a) Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học của Trường Đại học Thương mại thuộc nhóm chuyên ngành đúng và phù hợp có thời gian từ ngày cấp Bằng điểm đại học đến ngày thi tuyển sinh không quá 5 năm không phải học bổ sung kiến thức trước khi thi tuyển sinh.

b) Các đối tượng thí sinh còn lại phải học bổ sung một số học phần trong chương trình đào tạo đại học của chuyên ngành đăng ký dự thi trước khi thi tuyển sinh. Chương trình các học phần bổ sung của từng chuyên ngành thực hiện theo Quyết định số 678/QĐ-ĐHTM ngày 02/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.

Thí sinh được xem xét miễn học và thi học phần bổ sung nếu thoả mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Học phần xin miễn có tên trong Bảng điểm đại học của thí sinh (tên học phần ghi trong bảng điểm phải hoàn toàn trùng khớp với tên học phần bổ sung); (ii) Học phần có số tín chỉ lớn hơn hoặc bằng số tín chỉ đào tạo theo quy định của Trường Đại học Thương mại; (iii) Điểm học phần phải từ 5 trở lên (thang điểm 10); và (iv) Thời gian từ ngày cấp Bảng điểm đại học đến ngày thi tuyển sinh không quá 5 năm.

c) Thí sinh đăng ký dự thi có bằng tốt nghiệp đại học ngành/ chuyên ngành không nằm trong danh mục các ngành/ chuyên ngành đã nêu ở trên (các ngành/ chuyên ngành theo quy định cũ trước đây), Trường ĐHTM sẽ căn cứ vào Bảng điểm đại học để xét điều kiện về văn bằng đối với từng trường hợp cụ thể.

d) Thí sinh có bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có văn bản công nhận là “bằng đại học” do Cục Quản lý Chất lượng Giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp.

1.4.2. Điều kiện thâm niên công tác

Đối tượng tuyển sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành/chuyên ngành đúng, phù hợp và ngành gần được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp; người có bằng tốt nghiệp ngành khác đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý phải có tối thiểu 2 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

1.4.3. Điều kiện về lý lịch

Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

1.4.4. Điều kiện về sức khỏe

Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học Trường Đại học Thương mại sẽ xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học.

1.4.5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Thương mại.

1.5. Đối tượng và chính sách ưu tiên

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.5.1. Đối tượng

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

1.5.2. Chính sách ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục 1.5.1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn Toán cao cấp.

2. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

2.1. Chuyên ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến

TT	Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu dự kiến
1	Kinh doanh thương mại	9340121	8
2	Kế toán	9340301	8
3	Quản lý kinh tế	9340410	8
4	Quản trị kinh doanh	9340101	8
5	Tài chính – Ngân hàng	9340201	8

2.2. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo tập trung toàn thời gian: 3 năm đối với người có bằng thạc sĩ; 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

- Hình thức đào tạo tập trung bán thời gian: 4 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 5 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học, trong đó có ít nhất 12 tháng học tập trung liên tục tại Trường trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

2.3. Đối tượng và phương thức tuyển sinh

2.3.1. Đối tượng tuyển sinh

Công dân Việt Nam đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017).

2.3.2. Phương thức tuyển sinh

2.3.2.1. Xét tuyển

Áp dụng đối với thí sinh là công dân nước ngoài, công dân Việt Nam đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh;
- b) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- c) Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên, hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày xét tuyển.
- d) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập không phải là tiếng Anh; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT) theo quy định tại điểm c.

Các trường hợp quy định tại điểm d phải có thêm chứng chỉ Tiếng Anh B1 khung châu Âu.

Thí sinh đủ điều kiện tuyển sinh theo phương thức xét tuyển phải trình bày báo cáo dự định nghiên cứu trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh trong thời gian quy định theo thông báo của Hội đồng tuyển sinh.

2.3.2.2. Kết hợp xét tuyển với thi tuyển

Áp dụng đối với thí sinh là công dân Việt Nam, công dân nước ngoài có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập không phải là tiếng Anh; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT) theo quy định tại điểm c do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày xét tuyển.

Thí sinh không đủ điều kiện tuyển sinh theo phương thức xét tuyển phải trình bày báo cáo dự định nghiên cứu trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh và thi tiếng Anh để đánh giá khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh về chuyên môn trong thời gian quy định theo thông báo của Hội đồng tuyển sinh.

2.4. Điều kiện dự tuyển

2.4.1. Điều kiện về văn bằng

Thí sinh đăng kí dự tuyển nghiên cứu sinh phải có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ. Quy định cụ thể đối với từng chuyên ngành như sau:

TT	Chuyên ngành	Đối tượng có bằng thạc sĩ	Đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học
1	Kinh doanh thương mại		
	- Chuyên ngành đúng	- Chuyên ngành Thương mại, Kinh doanh thương mại và ngành Quản trị kinh doanh (marketing)	- Chuyên ngành Marketing thương mại, Kinh doanh quốc tế của Trường Đại học Thương mại; - Chuyên ngành Marketing thương

		của Trường Đại học Thương mại các trường đại học khác.	mại, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý, Kinh tế và Quản lý kinh tế.	- Các chuyên ngành khác thuộc nhóm ngành Kinh doanh của các trường đại học khác.
2	Kế toán		
	- Chuyên ngành đúng	- Chuyên ngành Kế toán của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.	- Chuyên ngành Kế toán - Tài chính doanh nghiệp thương mại của Trường Đại học Thương mại; - Chuyên ngành Kế toán của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm.	- Các chuyên ngành khác thuộc nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán của các trường đại học khác.
3	Quản lý kinh tế		
	- Chuyên ngành đúng	- Chuyên ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.	- Chuyên ngành Kinh tế thương mại của Trường Đại học Thương mại; - Chuyên ngành Kinh tế của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý.	- Các chuyên ngành khác thuộc nhóm ngành quản lý kinh tế của các trường đại học khác.
4	Quản trị kinh doanh		
	- Chuyên ngành đúng	- Chuyên ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.	- Các chuyên ngành thuộc ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Thương mại và các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý, Kinh tế và Quản lý kinh tế.	- Các chuyên ngành khác thuộc nhóm ngành Kinh doanh của các trường đại học.
5	Tài chính – Ngân hàng		
	- Chuyên ngành đúng	- Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Thương mại và	- Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Thương mại và các trường đại

		của các trường đại học khác.	học khác.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý, Kinh tế và Quản lý kinh tế.	- Các chuyên ngành khác thuộc nhóm ngành Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm của các trường đại học.

a) Thí sinh có bằng thạc sĩ

Thí sinh có bằng thạc sĩ của Trường Đại học Thương mại thuộc chuyên ngành đúng, có thời gian từ ngày cấp Bằng điểm cao học đến ngày công nhận trúng tuyển NCS không quá 5 năm không phải học bổ sung kiến thức. Các đối tượng thí sinh còn lại phải học bổ sung một số học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ của chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

b) Thí sinh có bằng cử nhân đại học

Thí sinh có bằng cử nhân đại học của Trường Đại học Thương mại thuộc chuyên ngành đúng phải học các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Các đối tượng thí sinh còn lại phải học các học phần bổ sung trình độ đại học và các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

c) Chương trình các học phần bổ sung trình độ đại học thực hiện theo Quyết định số 678/QĐ-ĐHTM ngày 02/10/2017, chương trình học bổ sung trình độ thạc sĩ thực hiện theo Quyết định số 808/QĐ-ĐHTM ngày 23/11/2017. Thí sinh phải hoàn thành chương trình học các phần bổ sung trình độ đại học và các học phần ở trình độ thạc sĩ trong 1,5 năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ theo kế hoạch của Nhà trường.

d) Thí sinh được xem xét miễn học và thi các học phần bổ sung nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Học phần xin miễn có tên trong Bảng điểm đại học, Bảng điểm cao học của thí sinh (tên học phần ghi trong bảng điểm phải hoàn toàn trùng khớp với tên học phần bổ sung); (ii) Học phần có số tín chỉ lớn hơn hoặc bằng số tín chỉ đào tạo theo quy định của Trường Đại học Thương mại; (iii) Điểm học phần phải từ 5 trở lên (thang điểm 10); và (iv) Thời gian từ ngày cấp Bằng điểm đến ngày công nhận trúng tuyển NCS không quá 5 năm.

đ) Thí sinh có bằng cử nhân đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có văn bản công nhận văn bằng do Cục Quản lý Chất lượng Giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp.

2.4.2. Điều kiện về nghiên cứu khoa học

Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

2.4.3. Điều kiện về ngoại ngữ

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ quy định tại mục 2.3.2 ; Công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên quy định tại mục 2.3.1.

2.4.4. Có Báo cáo về dự định nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ

Báo cáo dự định nghiên cứu cần trình bày rõ tên đề tài hoặc định hướng lĩnh vực nghiên cứu; chuyên ngành và mã số chuyên ngành; lý do lựa chọn đề tài/ lĩnh vực nghiên cứu; tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài dự định nghiên cứu; mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu; đối tượng và phạm vi nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; kết cấu và đề cương sơ bộ của đề tài; dự kiến đóng góp mới của đề tài nghiên cứu; khái quát những chuẩn bị của thí sinh để

thực hiện dự định nghiên cứu; kế hoạch chương trình đào tạo tiến sĩ của NCS (nếu trúng tuyển); và đề xuất người hướng dẫn khoa học (nếu có).

Danh mục hướng nghiên cứu thuộc các chuyên ngành đào tạo tiến sĩ và danh sách các nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh xem tại Phụ lục 2 của Thông báo này.

2.4.5. Có ít nhất một thư giới thiệu dự tuyển nghiên cứu sinh

Nhà khoa học giới thiệu dự tuyển nghiên cứu sinh phải có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- b) Năng lực hoạt động chuyên môn;
- c) Phương pháp làm việc;
- d) Khả năng nghiên cứu;
- đ) Khả năng làm việc theo nhóm;
- e) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- g) Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- h) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

2.4.6. Được cơ quan công tác cử đi dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

2.4.7. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Trường (đóng học phí, hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

3. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH

3.1. Thời gian phát hành, nhận hồ sơ tuyển sinh và đăng ký học bổ sung

3.1.1. Phát hành và nhận hồ sơ tuyển sinh

Vào giờ hành chính các ngày làm việc (từ thứ hai đến thứ sáu) trong khoảng thời gian sau:

- Phát hành hồ sơ: từ **07/5/2018** đến **23/7/2018** và từ **06/8/2018** đến **16/8/2018**;

- Nhận hồ sơ: từ **07/5/2018** đến **23/7/2018** và từ **06/8/2018** đến **16/8/2018**.

Hồ sơ đăng ký dự thi cao học, dự tuyển nghiên cứu sinh gồm:

- a) Đơn xin dự thi cao học/ dự tuyển nghiên cứu sinh;
- b) Bản sao có chứng thực bằng cử nhân (bằng tốt nghiệp đại học), bảng điểm đại học; bằng thạc sĩ và bảng điểm cao học (đối với người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ). Đối với thí sinh có bằng đại học hệ liên thông phải nộp cả bằng tốt nghiệp và bảng điểm trung cấp/cao đẳng;
- c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương, hoặc thủ trưởng cơ quan công tác. Ảnh trên sơ yếu lý lịch phải đóng dấu giáp lai;
- d) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa;
- đ) Bản sao công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có).

Đối với thí sinh dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, ngoài các hồ sơ trên còn phải nộp:

- e) Báo cáo dự định nghiên cứu;
- f) Bản foto bài báo của tác giả hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

g) Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ tiếng nước ngoài (đối với thí sinh Việt Nam), chứng chỉ Tiếng Việt (đối với thí sinh nước ngoài);

h) Thư giới thiệu của nhà khoa học theo quy định tại mục 2.4.5;

i) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

k) Các giấy tờ khác và lệ phí tuyển sinh theo quy định của Trường.

Thí sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ hồ sơ, lệ phí thi theo quy định. Nhà trường chỉ nhận hồ sơ tuyển sinh theo mẫu do Trường phát hành. Các thay đổi hoặc thiếu sót phải được bổ sung đầy đủ trước ngày thi. Sau ngày thi, Trường không tiếp nhận giải quyết các thay đổi và bổ sung về văn bằng, bảng điểm, đối tượng ưu tiên, các bài báo khoa học đã công bố...

3.1.2. Đăng ký học bổ sung đối với thí sinh dự thi cao học

- Từ 07/5/2018 đến 25/5/2018 đối với thí sinh thuộc chuyên ngành khác;

- Từ 07/5/2018 đến 23/7/2018 đối với thí sinh còn lại.

Thí sinh đến đăng ký học bổ sung cần mang theo bảng điểm đại học (bản foto) để đối chiếu với chương trình của Trường Đại học Thương mại làm căn cứ xác định học phần phải học bổ sung.

3.2. Thời gian và địa điểm thi

- Tuyển sinh cao học: Dự kiến vào các ngày 21,22,23/9/2018 tại Trường Đại học Thương mại.

- Tuyển sinh NCS: Dự kiến từ ngày 25/9/2018 đến 28/9/2018 tại Trường Đại học Thương mại.

3.3. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh và khai giảng khóa học

- Công bố kết quả tuyển sinh: Dự kiến từ ngày 08/10/2018 - 12/10/2018.

- Nhập học và khai giảng: Dự kiến từ ngày 22/10/2018 - 28/10/2018.

Ghi chú:

- Thí sinh có thể trực tiếp tải mẫu các loại hồ sơ đăng ký dự thi cao học và dự tuyển nghiên cứu sinh tại website của Trường theo địa chỉ (<http://saudaihoc.tmu.edu.vn>).

- Trường Đại học Thương mại không gửi Giấy báo thi tới từng thí sinh. Lịch thi chính thức và Danh sách thí sinh dự thi sẽ được đăng tải trên website của Trường theo địa chỉ trên (mục Tuyển sinh) từ ngày 03/9/2018. Những thí sinh có nhu cầu nhận Giấy báo thi bằng văn bản, liên hệ trực tiếp tại Văn phòng Khoa Sau đại học vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần, bắt đầu từ 10/9/2018.

- Thời gian học các học phần bổ sung: dự kiến tổ chức vào thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật, bắt đầu từ 25/5/2018 cho các thí sinh thuộc ngành khác và từ 03/8/2018 cho các thí sinh còn lại.

Chương trình các học phần bổ sung trình độ đại học của từng chuyên ngành và các thông tin chi tiết khác xem trên Website của Trường, hoặc Bảng tin Khoa Sau đại học, Trường Đại học Thương mại, hoặc liên hệ theo số máy của Văn phòng Khoa Sau đại học: 0243.7643219 (3001) hoặc 0243.8374115.

K/T. HIỆU TRƯỞNG 
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS. Nguyễn Hoàng Long

Phụ lục 1

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC
DÙNG TRONG TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Phu lục 2

1. Chuyên ngành Kế toán

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn khoa học
1	<p>Về kế toán tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, phát triển các lý thuyết kế toán về nguyên tắc, mô hình kế toán trong các doanh nghiệp. - Nghiên cứu các lý thuyết, việc ứng dụng kế toán môi trường trong doanh nghiệp. - Nghiên cứu hoàn thiện việc vận dụng chuẩn mực kế toán trong các doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực, loại hình sản xuất kinh doanh khác nhau có qui mô khác nhau. - Nghiên cứu xây dựng nhằm ban hành các chuẩn mực kế toán mới cho các lĩnh vực, các hoạt động mới phát sinh trong nền kinh tế thị trường theo hướng hội nhập với quốc tế. - Nghiên cứu nhằm đổi mới, hoàn thiện chính sách và chế độ kế toán công. Nghiên cứu hoàn thiện kế toán trong các đơn vị công. 	<p>PGS.TS Đỗ Minh Thành; PGS.TS Trần Thị Hồng Mai; TS Nguyễn Tuấn Duy; PGS.TS Đoàn Văn Anh; PGS.TS Lê Thị Thanh Hải; PGS.TS Phạm Đức Hiếu; PGS.TS Nguyễn Phú Giang; TS Nguyễn Viết Tiến; PGS.TS Phạm Thị Thu Thủy; PGS.TS Vũ Mạnh Chiến; PGS.TS Đoàn Xuân Tiên; PGS.TS Ngô Trí Tuệ; TS Nguyễn Thanh Hương; TS Nguyễn Hải Long; PGS.TS Hà Thị Thúy Vân; TS Tạ Quang Bình</p>
2	<p>Về kế toán quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu áp dụng tổ chức kế toán quản trị trong các doanh nghiệp thuộc các loại hình sản xuất kinh doanh, sở hữu có qui mô khác nhau theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế. - Nghiên cứu thực hiện kế toán quản trị trong các doanh nghiệp thuộc các ngành, các lĩnh vực khác nhau theo các yếu tố hay hoạt động như hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí, doanh thu. - Nghiên cứu thực hiện kế toán quản trị phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn, dài hạn của các nhà quản trị doanh nghiệp. - Nghiên cứu hoàn thiện kế toán các hoạt động, yếu tố trong các doanh nghiệp thuộc các loại hình, lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác nhau có qui mô khác nhau theo hướng kết hợp kế toán quản trị và kế toán tài chính. 	<p>PGS.TS Đỗ Minh Thành; PGS.TS Trần Thị Hồng Mai; TS Nguyễn Tuấn Duy; PGS.TS Phạm Đức Hiếu; PGS.TS Nguyễn Quang Hùng; TS Nguyễn Viết Tiến; PGS.TS Phạm Thị Thu Thủy; PGS.TS Trương Thị Thủy; PGS.TS Giang Thị Xuyên; TS Nguyễn Hải Long; PGS.TS Hà Thị Thúy Vân; TS Tạ Quang Bình</p>
3	<p>Về kiểm toán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu nội dung, hình thức, qui trình kiểm toán nội bộ trong các đơn vị thuộc các loại hình, lĩnh vực và hoạt động khác nhau. - Nghiên cứu kiểm toán báo cáo tài chính trong các công ty kiểm toán độc lập. Nghiên cứu hoàn thiện chuẩn mực kiểm toán độc lập. - Nghiên cứu kiểm toán hoạt động trong các đơn vị. 	<p>PGS.TS Đỗ Minh Thành; PGS.TS Trần Thị Hồng Mai; TS Nguyễn Tuấn Duy; PGS.TS Đoàn Văn Anh; PGS.TS Lê Thị Thanh Hải; PGS.TS Phạm Đức Hiếu; PGS.TS Nguyễn Phú Giang; TS Nguyễn Viết Tiến; PGS.TS Phạm Thị Thu Thủy; PGS.TS Vũ Mạnh Chiến; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Phương; TS Nguyễn Hải Long; PGS.TS Hà Thị Thúy Vân; TS Tạ Quang Bình</p>
	<p>Về tổ chức công tác kế toán, kiểm toán</p>	

4	<p>- Nghiên cứu tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị thuộc các loại hình, lĩnh vực hoạt động và qui mô khác nhau.</p> <p>- Nghiên cứu tổ chức công tác kiểm toán trong các đơn vị.</p>	<p>PGS.TS Đỗ Minh Thành; PGS.TS Trần Thị Hồng Mai; TS Nguyễn Tuấn Duy; PGS.TS Đoàn Văn Anh; PGS.TS Lê Thị Thanh Hải; PGS.TS Phạm Đức Hiếu; PGS.TS Nguyễn Phú Giang; TS Nguyễn Việt Tiến; PGS.TS Phạm Thị Thu Thủy; PGS.TS Giang Thị Xuyên; PGS.TS Nguyễn Thị Đông; TS Nguyễn Hải Long; PGS.TS Hà Thị Thúy Vân; TS Tạ Quang Bình</p>
---	---	---

2. Chuyên ngành Kinh doanh thương mại

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn khoa học
1	Phát triển thị trường và kinh doanh thương mại nội địa và quốc tế	<p>GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Nguyễn Doãn Thị Liễu; PGS.TS Bùi Xuân Nhàn; PGS.TS Đỗ Thị Ngọc; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (I); PGS.TS Nguyễn Văn Minh (T); PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; TS Lục Thu Hường; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng; TS Nguyễn Thông Thái; TS Chu Thị Thủy; TS Nguyễn Thị Tú; PGS.TS Hoàng Văn Thành; PGS.TS Vũ Đức Minh; PGS.TS Đàm Gia Mạnh; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; TS Vũ Xuân Dũng; TS Nguyễn Hoá; PGS.TS An Thị Thanh Nhàn; TS Phạm Xuân Hậu; PGS.TS Bùi Hữu Đức; PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt; PGS.TS Nguyễn Hoàng; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; TS Nguyễn Thanh Hải; TS Lê Việt Nga; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN</p>
2	Tái cấu trúc và phát triển các doanh nghiệp ngành kinh doanh thương mại	<p>GS,TS. Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Bùi Xuân Nhàn; PGS.TS Trần Hùng; PGS.TS Vũ Đức Minh; PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Phạm Thị Tuệ; PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; TS Lục Thu Hường; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; TS Nguyễn Hoá; TS Phạm Xuân Hậu; PGS.TS Nguyễn Việt Thái; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhàn; PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Trần Văn Trang; PGS.TS Nguyễn Hoàng; TS Nguyễn Thanh Hải; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN</p>
3	Phát triển các năng lực cốt lõi và khác biệt nhằm tạo lợi thế cạnh tranh bền vững theo tiếp cận chuỗi giá trị của doanh nghiệp	<p>GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Bùi Xuân Nhàn, PGS.TS Nguyễn Văn Minh; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan PGS.TS Đàm Gia Mạnh; PGS.TS Nguyễn Văn Thanh; TS Lục Thu Hường; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Vũ Đức Minh; PGS.TS Nguyễn Việt Thái; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhàn; PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; TS Trần Văn</p>

		Trang; PGS.TS Nguyễn Hoàng; PGS.TS An Thị Thanh Nhân; TS Nguyễn Thông Thái; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (T); TS Nguyễn Thanh Hải; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
4	Phát triển các ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật trong kinh doanh thương mại hiện đại (trong thương mại điện tử và các lĩnh vực kinh doanh thương mại hiện đại, truyền thông marketing, các cơ sở dữ liệu,...)	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; PGS.TS Bùi Xuân Nhân; PGS.TS Đỗ Thị Ngọc; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (I); PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng; PGS.TS Phạm Thúy Hồng; TS Lục Thu Hường; PGS.TS An Thị Thanh Nhân; TS Nguyễn Thông Thái; PGS.TS Hoàng Văn Thành; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Nguyễn Việt Thái; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân; PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Trần Kiều Trang; TS Trần Văn Trang; PGS.TS Nguyễn Hoàng; PGS.TS An Thị Thanh Nhân; TS Nguyễn Thông Thái; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (T); PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
5	Phát triển các loại hình marketing và logistics kinh doanh thương mại	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; PGS.TS Bùi Xuân Nhân; PGS.TS Đỗ Thị Ngọc; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (T); PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng; PGS.TS Phạm Thúy Hồng; TS Lục Thu Hường; PGS.TS An Thị Thanh Nhân; TS Nguyễn Thông Thái; PGS.TS Hoàng Văn Thành; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Nguyễn Việt Thái; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân; PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; TS Trần Văn Trang; PGS.TS Nguyễn Hoàng; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
6	Chiến lược và chính sách kinh doanh thương mại của các doanh nghiệp, ngành, địa phương và các vùng	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Nguyễn Doãn Thị Liễu; PGS.TS Bùi Xuân Nhân; PGS.TS Đỗ Thị Ngọc; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (I); PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng; TS Nguyễn Thông Thái; TS Chu Thị Thủy; TS Nguyễn Thị Tú; PGS.TS Hoàng Văn Thành; PGS.TS Vũ Đức Minh; PGS.TS Đàm Gia Mạnh; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Trần Kiều Trang; PGS.TS Phan Thế Công; TS Vũ Xuân Dũng; TS Nguyễn Hoá; PGS.TS An Thị Thanh Nhân; TS Phạm Xuân Hậu; PGS.TS Bùi Hữu Đức; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN

7	Nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của thương hiệu sản phẩm của doanh nghiệp dựa trên tri thức trong kinh doanh thương mại	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Nguyễn Doãn Thị Liễu; PGS.TS Vũ Đức Minh; PGS.TS Bùi Xuân Nhân; TS Nguyễn Văn Chung; TS Chu Thị Thủy; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; TS Nguyễn Hóa; TS Ngô Quang Hiền; PGS.TS Đỗ Thị Ngọc; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
---	---	---

3. Chuyên ngành Quản lý kinh tế

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn khoa học
1	Nghiên cứu quản lý kinh tế doanh nghiệp: Những vấn đề về cải cách doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, quản lý nhà nước về phát triển doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá, tái cấu trúc doanh nghiệp, M&A, tập đoàn kinh tế...	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Bùi Xuân Nhân; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Hà Văn Sự; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Trần Hùng; PGS.TS Bùi Hữu Đức; PGS.TS Đỗ Thị Ngọc; PGS.TS Phan Thế Công; TS Phạm Xuân Hậu; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; PGS.TS Nguyễn Văn Minh; PGS.TS Phạm Thị Tuệ; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Trần Kiều Trang; PGS.TS Nguyễn Văn Lịch; PGS.TS Trần Đình Thiên; PGS.TS Lê Xuân Bá; TS Lưu Đức Hải; PGS.TS Lê Trịnh Minh Châu; GS.TS Herve Boismery; GS.TS Line BERGERY
2	Nghiên cứu phát triển thương mại hàng hoá và dịch vụ hiện đại, phát triển cơ sở hạ tầng thương mại; Chiến lược, quy hoạch, cơ chế, chính sách đối với phát triển các ngành, các thị trường sản phẩm và dịch vụ mới; Nghiên cứu về thương mại và thị trường khu vực nông thôn, miền núi; Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong điều kiện hội nhập; Vấn đề phát triển bền vững kinh tế, thương mại, du lịch, hỗ trợ kinh doanh....	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Đinh Văn Sơn, PGS.TS Bùi Xuân Nhân; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Nguyễn Doãn Thị Liễu; PGS.TS Trần Hùng; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; TS Thân Danh Phúc; PGS.TS Phạm Thị Tuệ; PGS.TS Nguyễn Văn Thanh; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; PGS.TS Hà Văn Sự; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Trần Kiều Trang; PGS.TS Đinh Văn Thành; TS Trần Kim Hào; PGS.TS Hoàng Thọ Xuân; PGS.TS Phan Thế Công; TS Phùng Thị Thủy; PGS.TS Bùi Hữu Đức; TS Võ Tá Tri; GS.TS Herve Boismery; GS.TS Line BERGERY;
3	Nghiên cứu các phương thức, loại hình kinh tế thương mại, các hoạt động đầu tư và sở hữu trí tuệ ở Việt Nam (phát triển khu, cụm công nghiệp và thương mại các hoạt động đầu tư trong các khu, cụm công nghiệp; phát triển thị trường đầu vào, đầu ra trong các khu công nghiệp); xây dựng và phát triển các tài sản thương hiệu và nhượng quyền thương hiệu sản phẩm, doanh nghiệp, địa phương và quốc gia; các sở giao dịch hàng hoá kì hạn, các	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Đinh Văn Sơn; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Bùi Xuân Nhân; PGS.TS Nguyễn Văn Minh; PGS.TS Nguyễn Văn Thanh; PGS.TS Phạm Thị Tuệ; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Trần Hùng; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Nguyễn Doãn Thị Liễu; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; TS Vũ Xuân Dũng; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; PGS.TS Đỗ Thị Ngọc; PGS.TS Hoàng Thọ

	trung tâm giao dịch chứng khoán, vàng, kinh doanh tiền tệ; thương mại bất động sản...	Xuân; PGS.TS Lê Trịnh Minh Châu; GS.TS Herve Boismery; GS.TS Line BERGERY
4	Nghiên cứu và triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII với việc tiếp tục đổi mới phương thức, nội dung quản lý Nhà nước về thị trường, thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ của quốc gia, vùng, ngành, địa phương, doanh nghiệp. Quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực cho nền kinh tế, cho ngành đáp ứng mục tiêu CNH, HĐH, yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Bùi Xuân Nhân; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Nguyễn Doãn Thị Liễu; PGS.TS Hà Văn Sự; PGS.TS Phạm Thị Tuệ; PGS.TS Trần Hùng; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; TS Thân Danh Phúc; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Lê Xuân Bá; PGS.TSKH Nguyễn Bích Đạt; PGS.TS Nguyễn Việt Thái; PGS.TS Phan Thế Công
5	Nghiên cứu về quản lý kinh tế, quản lý tài chính, thống kê và phân tích hoạt động kinh tế... của doanh nghiệp có quy mô lớn đại diện cho một lĩnh vực kinh tế do Nhà nước sử dụng để điều tiết, bình ổn thị trường và nền kinh tế, hoặc nhóm các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực, các ngành, các thành phần kinh tế.	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Bùi Xuân Nhân; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; PGS.TS Nguyễn Văn Minh; PGS.TS Trần Hùng; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; TS Thân Danh Phúc; PGS.TS Nguyễn Doãn Thị Liễu; PGS.TS Lê Xuân Bá; PGS.TS KH Nguyễn Bích Đạt; PGS.TS Phạm Thị Tuệ; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Đỗ Thị Ngọc; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Hà Văn Sự; PGS.TS Phan Thế Công; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Trần Kiều Trang; PGS.TS Nguyễn Quang Hùng; GS.TS Herve Boismery; GS.TS Line BERGERY

4. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn khoa học
1	Các mô hình quản trị kinh doanh hiện đại, quản trị công ty hiện đại (quản trị tinh giản, quản trị thực hành trách nhiệm xã hội, quản trị theo mục tiêu, quản trị 3D...); các kỹ thuật và công cụ quản trị hiện đại, kiểm soát doanh nghiệp (corporate governance)...	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Bùi Xuân Nhân; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Trần Hùng; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (khoa I), PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Bùi Hữu Đức; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; PGS.TS An Thị Thanh Nhân; PGS.TS Nguyễn Văn Minh; PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân; TS Chu Thị Thủy; TS Lục Thị Thu Hương; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; TS Nguyễn Thị Tú; TS Trần Văn Trang, PGS.TS Nguyễn Việt Thái; TS Trần Văn Trang; PGS.TS Trần Kiều Trang; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
	Các vấn đề về quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản trị tác nghiệp (sản xuất, bán hàng, mua hàng, dịch vụ khách hàng...), quản trị rủi ro, quản trị	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Bùi Xuân Nhân; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Trần Hùng; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (khoa I), PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS

2	<p>dự án, quản trị sự thay đổi, quản trị xung đột, quản trị logistic, quản trị chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, quản trị chất lượng, quản trị tài chính, quản trị tri thức, quản trị công nghệ... của các loại hình doanh nghiệp</p>	<p>Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Bùi Hữu Đức; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; PGS.TS An Thị Thanh Nhân; PGS.TS Nguyễn Văn Minh; PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân; TS Chu Thị Thủy; TS Lục Thị Thu Hường; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; TS Nguyễn Thị Tú; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Trần Kiều Trang; TS Trần Văn Trang, PGS.TS Nguyễn Viết Thái; TS Nguyễn Thanh Hải; PGS.TS Mai Thanh Lan; TS Nguyễn Thị Liên; TS Trần Thị Hoàng Hà; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; TS Trần Thị Bích Hằng; PGS.TS Trần Kiều Trang; TS. Trần Văn Trang; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN</p>
3	<p>Các vấn đề về nhân lực và quản trị nhân lực trong doanh nghiệp: phát triển nhân lực; nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực nhà quản trị, năng lực đội ngũ; thu hút, bố trí và sử dụng nhân lực, đào tạo nhân lực, đánh giá và đãi ngộ nhân lực, tạo động lực làm việc... của các loại hình doanh nghiệp.</p>	<p>GS.TS Phạm Vũ Luận; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Trần Hùng; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (khoa I), PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Bùi Hữu Đức; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân; TS Chu Thị Thủy; TS Lục Thị Thu Hường; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; TS Nguyễn Thị Tú; TS Trần Văn Trang, PGS.TS Nguyễn Viết Thái; PGS.TS Trần Kiều Trang; TS Nguyễn Thanh Hải; PGS.TS Mai Thanh Lan; TS Nguyễn Thị Liên; TS Trần Thị Hoàng Hà; PGS.TS Trần Kiều Trang; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN</p>
4	<p>Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố đến kết quả, hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các chiến lược và chính sách kinh doanh của doanh nghiệp. Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, năng lực cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ</p>	<p>GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Trần Hùng; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (khoa I), PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Bùi Hữu Đức; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; PGS.TS An Thị Thanh Nhân; PGS.TS Nguyễn Văn Minh; PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân; TS Chu Thị Thủy; TS Lục Thị Thu Hường; TS Cao Tuấn Khanh; TS Nguyễn Thị Tú; TS Trần Văn Trang, PGS.TS Nguyễn Viết Thái; PGS.TS Mai Thanh Lan; TS Nguyễn Thị Liên; TS Trần Thị Hoàng Hà; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Trần Kiều Trang; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN</p>
5	<p>Các giá trị cốt lõi và quản trị các giá trị cốt lõi của doanh nghiệp: thương hiệu và quản trị thương hiệu, nhân tài và quản trị nhân tài, quản trị năng lực cốt lõi (đổi mới sáng tạo, tầm nhìn chiến lược; quản trị thời gian; văn hóa doanh nghiệp; trách nhiệm xã hội và đạo đức kinh doanh ...).</p>	<p>GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Trần Hùng; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (khoa I), PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Bùi Hữu Đức; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; PGS.TS An Thị Thanh Nhân; PGS.TS Nguyễn Văn Minh; PGS.TS</p>

Các vấn đề đổi mới và tái cấu trúc doanh nghiệp.	Nguyễn Hoàng Việt; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân; TS Chu Thị Thủy; TS Lục Thị Thu Hương; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; TS Nguyễn Thị Tú; TS Trần Văn Trang, PGS.TS Nguyễn Việt Thái; TS Nguyễn Thanh Hải; PGS.TS Mai Thanh Lan; TS Nguyễn Thị Liên; TS Trần Thị Hoàng Hà; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Trần Kiều Trang; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
--	--

5. Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn khoa học
1	Về tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp <ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc vốn, chi phí vốn và đòn bẩy tài chính của doanh nghiệp theo nhóm ngành - Quản trị hoạt động đầu tư của doanh nghiệp - Quản trị tài sản của doanh nghiệp - Dự báo tài chính doanh nghiệp - Giám sát tài chính doanh nghiệp - Quản trị tài chính doanh nghiệp và các tổ chức tài chính phi ngân hàng 	GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; TS. Vũ Xuân Dũng; PGS.TS Nguyễn Thu Thủy; TS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; PGS.TS Nguyễn Đăng Nam; PGS.TS Nguyễn Thị Bất; PGS. TS Vũ Duy Hào; PGS.TS Dương Đăng Chinh; PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu; GS.TS Herve Boismery; GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
2	Về ngân hàng thương mại và quản trị NHTM <ul style="list-style-type: none"> - Quản trị tài sản của NHTM - Quản trị nợ của NHTM - Quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của NHTM (rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro hoạt động,...) - Cơ chế điều hành giám sát hoạt động NHTM 	GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; TS. Vũ Xuân Dũng; PGS.TS Nguyễn Thu Thủy; TS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; TS Nguyễn Thanh Phương; PGS.TS Nguyễn Thị Mùi; TS Nguyễn Thị Thanh Hương; PGS.TS Phan Thị Thu Hà; PGS.TS Nguyễn Trọng Tài; TS Nguyễn Thị Hải Hà; PGS.TS Nguyễn Đức Trung; PGS.TS Đào Minh Phúc; TS Phí Trọng Hiên; GS.TS Herve Boismery
3	Về thị trường tài chính <ul style="list-style-type: none"> - Các vấn đề về thị trường chứng khoán Việt Nam: hàng hóa, các tổ chức kinh doanh, môi trường pháp lý và quản lý nhà nước - Phát triển dịch vụ của các tổ chức kinh doanh trên thị trường tài chính (NHTM, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, công ty quản lý quỹ, công ty tài chính...) - Hoàn thiện cơ chế quản lý, giám sát hoạt động của thị trường tài chính (thị trường tín dụng, TTCK, thị trường bảo hiểm...) - Phát triển thị trường tài chính phái sinh - Các vấn đề về tài chính vi mô tại Việt Nam 	GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; TS. Vũ Xuân Dũng; PGS.TS Nguyễn Thu Thủy; TS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; PGS.TS Nguyễn Thị Mùi; TS Nguyễn Thị Thanh Hương; PGS.TS Phan Thị Thu Hà; TS Đào Lê Minh; TSKH Nguyễn Thành Long; PGS.TS Lê Hoàng Nga; PGS.TS Trần Đăng Khâm; TS Nguyễn Thị Hải Hà; PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu; PGS.TS Nguyễn Đức Trung; PGS.TS Đào Minh Phúc; TS Phí Trọng Hiên; GS.TS Herve Boismery; GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
+	Về quản lý tài chính công <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu các vấn đề về quản lý thuế, hệ thống chính sách thuế ở Việt Nam 	GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; TS. Vũ Xuân Dũng; PGS.TS Nguyễn Thu Thủy; TS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; TS

<ul style="list-style-type: none">- Nghiên cứu các vấn đề về thu nhập, chi tiêu công, quản lý NSNN, quản lý nợ công, quản lý tài sản công...- Quản lý tài chính trong các đơn vị sự nghiệp	Nguyễn Thị Hải Hà; PGS.TS Dương Đăng Chinh; PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu; TS Nguyễn Thanh Phương; GS.TS Herve Boismery; GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
---	---